

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 294/2023/HS-ST
Ngày 08-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh và Lê Thị Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiên Quý Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 370/2023/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2023/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số H, đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (đã bán nhà từ năm 2008 và thực tế không có cư trú tại địa phương); nơi ở: Nhà số B, đường V, Khu phố A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Ánh N; có vợ tên Nguyễn Thị H (không có đăng ký kết hôn), chưa có con; tiền án: Ngày 20/4/2021, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 04/10/2022 và quyết định khác ngày 10/11/2022, án tích chưa được xóa); tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 18/8/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử sơ thẩm phạt 07 năm tù về “Tội giết người” và 01 năm tù về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 08 năm tù và đến ngày 28/11/2006, bị Tòa Phúc Thẩm-Tòa án nhân dân Tối Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm “giữ nguyên bản án sơ thẩm” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/9/2010, các quyết định khác ngày 15/11/2006 và 02/01/2008, án tích đã được xóa); ngày 27/7/2011, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/4/2015 và quyết định khác ngày 13/7/2012, án tích đã được xóa); ngày 23/01/2017, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi “Sử

dùng trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong ngày 01/11/2018, được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); bị bắt tạm giữ ngày 22-5-2023, tạm giam ngày 31-5-2023 “có mặt”;

2. Lê Văn L, sinh năm 1995, tại tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Thúy H2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 22-5-2023, tạm giam ngày 31-5-2023 “có mặt”;

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ D, Ấp A, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nơi ở: Nhà số B, đường V, Khu phố A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út E và bà Phạm Thị H3; có chồng tên Nguyễn Ngọc T (không có đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2008 (con riêng); tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 11/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong ngày 06/5/2022, chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); bị bắt tạm giữ ngày 22-5-2023, tạm giam ngày 31-5-2023 “có mặt”.

*Các bị hại:

1. Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 2000. Nơi thường trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Nhà số D, Đường Số I, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh “xin vắng mặt”;

2. Anh Trương Hoàng K, sinh năm 2000. Nơi thường trú: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Nhà số D, Đường Số I, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 21/5/2023, Nguyễn Ngọc T và Lê Văn L đang ngồi ăn uống tại phòng trọ của T thì có tên L1 (không rõ lai lịch) đến nói “*Có nhà đi Vũng Tàu chơi hết rồi, nhà khóa ngoài, bên trong có mấy chiếc xe máy thom lăm*” rồi rủ T và L đến đó lấy xe và được cả 02 đồng ý; lúc này, do có Nguyễn Thị H đi từ trên gác đi xuống (H và T chung sống với nhau như vợ chồng) nên tên L1 rủ thêm H thì cũng được H đồng ý. Khi đó, tên L1 đưa cho T sợi dây điện dài khoảng 02 mét và kêu cắt ra nhiều đoạn ngắn mang theo dùng buộc bên ngoài các cửa nhà xung quanh lại nhằm tránh có người đi ra phát hiện; riêng tên L1 đã chuẩn bị 01 cái ba lô màu đỏ đen, bên trong có 01 cái cò lê, 01 thanh kim loại mài đẹp đầu, 01

cây kim cộng lực và 01 cây xà beng rồi đến khoảng 01 giờ ngày 22/5/2023, H giao chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, biển số 62P1-166.83 cho tên L1 điều khiển chở cả 03 cùng đi. Khi đến trước nhà số D, Đường Số I, Khu phố A, phường B, quận B thì: tên L1 đưa cho T 01 cái cò lê và 01 thanh kim loại mài đẹp đầu bẻ khóa xe; còn tên L1 dùng cây kim cộng lực để cắt ổ khóa cửa rào và cửa nhà; trong lúc tên L1 cắt ổ khóa cửa thì T, L và H dùng các đoạn dây điện buộc bên ngoài các nhà xung quanh lại. Lúc tên L1 cắt các ổ khóa cửa xong cùng với H đứng cảnh giới, còn T và L đi vào bên trong nhà. Khi đó, T lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, biển số 94B1-113.93 (bên trong cốp xe có số tiền 40.000.000 đồng) của anh Trương Hoàng K dẫn ra giao cho H, còn L lấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 95N1-003.94 của anh Trịnh Văn Đ dẫn ra rồi cùng H dẫn bộ đi được khoảng 10 mét thì bị Tổ tuần tra Công an quận B phát hiện bắt giữ; còn T, do quay lại tìm tài sản để lấy tiếp, nhưng chưa lấy được gì thêm cũng bị bắt giữ (riêng tên L1 đã điều khiển xe mô tô biển số 62P1-166.83 chạy thoát) nên Tổ tuần tra đưa cả 03 người cùng với vật chứng đến Công an phường B xử lý người có hành vi phạm tội quả tang rồi sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, T, L và H đều khai nhận đã cùng nhau thực hiện hành vi như vừa mới nêu. Theo kết luận định giá tài sản, chiếc xe của anh K trị giá 6.000.000 đồng và chiếc xe của anh Đ trị giá 30.000.000 đồng nên tổng trị giá tài sản là 76.000.000 đồng (trong đó có 40.000.000 đồng tiền mặt).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H cùng khai nhận: Do trong lúc cần có tiền tiêu xài thì có tên L1 (không rõ lai lịch) rủ các bị cáo đến nhà đã định sẵn để lấy xe bán nên các bị cáo đều đồng ý. Khi đó, tên L1 đưa cho bị cáo T sợi dây điện dài khoảng 02 mét và kêu cắt ra thành nhiều đoạn ngắn mang theo dùng buộc ngoài các cửa nhà xung quanh lại nhằm tránh có người đi ra phát hiện; riêng tên L1 đã chuẩn bị 01 cái cò lê, 01 thanh kim loại mài đẹp đầu, 01 cây kim cộng lực và 01 cây xà beng mang để trong cái ba lô màu đỏ đen mang theo để cắt, bẻ khóa. Sau đó, tên L1 điều khiển chiếc xe mô tô biển số 62P1-166.83 của bị cáo H chở cả 03 bị cáo cùng đến nhà do tên L1 định trước. Khi đến nơi, tên L1 đưa cho bị cáo T 01 cái cò lê và 01 thanh kim loại mài đẹp đầu bẻ khóa xe; còn tên L1 dùng cây kim cộng lực cắt ổ khóa cửa rào và nhà; trong lúc tên L1 cắt ổ khóa cửa thì các bị cáo T, L và H dùng các đoạn dây điện buộc ngoài các cửa nhà xung quanh lại. Lúc tên L1 cắt các ổ khóa cửa xong cùng với bị cáo H đứng cảnh giới, còn các bị cáo T và L đi vào bên trong nhà rồi bị cáo T lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, biển số 94B1-113.93 (bên trong cốp xe có số tiền 40.000.000 đồng) của anh Trương Hoàng K dẫn ra giao cho bị cáo H; còn bị cáo L lấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 95N1-003.94 của anh Trịnh Văn Đ dẫn ra rồi cùng với bị cáo H dẫn bộ đi được khoảng 10 mét thì cả 03 bị Tổ tuần tra phát hiện, bắt giữ; riêng tên L1 đã điều khiển xe mô tô biển số 62P1-166.83 chạy thoát nên nay các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản, trách nhiệm dân sự và việc giải quyết vật chứng.

Tại Cáo trạng số: 310/CT-VKS, ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: Các bị cáo Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của các bị hại anh Trương Hoàng K và Trịnh Văn Đ, tội phạm đã hoàn thành và tài sản có tổng trị giá 76.000.000 đồng. Trong vụ án này, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn mà trong đó, các bị cáo T và L là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, còn bị cáo H cảnh giới; riêng bị cáo T còn phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” và bị cáo H có 01 tiền sự nên cần phải xử các bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo L và H với mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù cùng về “Tội trộm cắp tài sản”. Còn về trách nhiệm dân sự, do các bị hại là anh K và Đ đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên không có ý kiến. Còn về vật chứng thì đề nghị, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X; giao trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus và bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K; tịch thu tiêu hủy toàn bộ công cụ phạm tội.

Các bị cáo không ai tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra-Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Vào khoảng 02 giờ ngày 22/5/2023, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái

phép tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, biển số 94B1-113.93 và bên trong cốp xe có số tiền 40.000.000 đồng của anh Trương Hoàng K cùng với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 95N1-003.94 của anh Trịnh Văn Đ để tại nhà số D, Đường Số I, Khu phố A, phường B, quận B. Theo Kết luận định giá tài sản số: 165/KL-HĐĐGTS, ngày 30/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự quận B thì, chiếc xe của anh K trị giá 6.000.000 đồng và chiếc xe của anh Đ trị giá 30.000.000 đồng nên tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt có tổng trị giá là 76.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, nhận dạng; biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra; vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản...nên đã đủ chứng cứ buộc tội các bị cáo và một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận; riêng mức án đề nghị đối với bị cáo T là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo nên cần xử với mức cao hơn thì mới phù hợp. Riêng đối với tên L1, do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau.

[4] Xét các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn cho nhu cầu tiêu xài của cá nhân. Tuy trong vụ án này, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, sự cấu kết thực hiện tội phạm không chặt chẽ nên không được coi là “Có tổ chức”. Nhưng do các bị cáo T và L là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; trong đó bị cáo T, có 01 lần bị kết án, chưa được xóa án tích mà nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm”, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; còn bị cáo L có nhân thân tốt; riêng bị cáo H giúp sức tích cực và có nhân thân xấu nên cần phải xử các bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo được quy định tại các điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Các bị cáo đều không ai có điều kiện về kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, tuy các bị hại Trương Hoàng K và Trịnh Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, nhưng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì các anh K và Đ đã được nhận lại đủ số tài sản bị chiếm đoạt và không ai yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, biển số 94B1-113.93 (bên trong cốp xe có sổ tiền 40.000.000 đồng) của anh Trương Hoàng K cùng với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 95N1-003.94 của anh Trịnh Văn Đ, Cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả lại cho các anh K và Đ; riêng chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, biển số 62P1-166.83 của bị cáo H dùng làm phương tiện chở nhau đến nơi thực hiện hành vi phạm tội thì, do tên L1 (không rõ lai lịch) đã sử dụng làm phương tiện chạy trốn thoát và không thu hồi được nên không xét. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, vỏ màu đen-Nguyễn Ngọc T của bị cáo T, do có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8Plus, vỏ màu trắng, mặt sau bị vỡ-Lê Văn L của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K, vỏ màu xanh-Nguyễn Thị H của bị cáo H, do không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho các bị cáo. Riêng đối với 01 dao cán gỗ màu nâu dài 18.5cm; 01 chiếc balo màu đỏ đen; 01 cờ lê đầu khóa 10; 01 thanh kim loại mài đẹp đầu dùng bẻ khóa xe máy (đoản); 01 chiếc xà beng dài 35cm; 01 chiếc kìm cộng lực; 11 đoạn dây điện màu xanh; 01 sợi dây rút dài khoảng 20cm; 02 ổ khóa hiệu Zsole max đã bị cắt của các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tất cả để tiêu hủy.

[8] Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ điều luật và xử phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22-5-2023.

1.2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22-5-2023.

1.3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22-5-2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, vỏ màu đen-Nguyễn Ngọc T.

- Giao trả lại cho các bị cáo gồm: Lê Văn L 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8Plus, vỏ màu trắng, mặt sau bị vỡ-Lê Văn L và Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động hiệu OPPO A17K, vỏ màu xanh-Nguyễn Thị H.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 dao cán gỗ màu nâu dài 18.5cm; 01 chiếc balo màu đỏ đen; 01 cò lê đầu khóa 10; 01 thanh kim loại mài đẹp đầu dùng bẻ khóa xe máy (đoản); 01 chiếc xà beng dài 35cm; 01 chiếc kìm cộng lực; 11 đoạn dây điện màu xanh; 01 sợi dây rút dài khoảng 20cm; 02 ổ khóa hiệu Zsole max đã bị cắt.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số: NK24/16TAM, ngày 18/10/2023)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn L và Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại anh Trương Hoàng K và Trịnh Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- VKSND Q.BT;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CQĐT-CA Q.BT;
- Nhà tạm giữ-CA Q.BT;
- Chi cục THA DS Q.BT;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác (nếu có);
- Lưu hs, Vp.

Huỳnh Văn Ái